

Bản án số: 21/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 20/7/2017
“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình.

Th- ký phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Thủy** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Trọng Nho** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về việc “*Tranh chấp ly hôn*” thụ lý số: 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 32/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đ- ong sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: xóm Q, xã K, huyện S, tỉnh P.

(Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. ***Bị đơn:*** Anh Trịnh Hùng M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: xóm Q, xã K, huyện S, tỉnh P.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội.

(Anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 22/5/2017 và bản tự khai ngày 24/5/2017, các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn là chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Trịnh Hùng M có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện N, tỉnh H vào

năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ra ở riêng tại xã TL, huyện N, tỉnh H, tình cảm vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2010 vợ chồng chuyển khẩu về xã K, huyện S để làm ăn sinh sống. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh M không tập trung tu chí làm ăn mà th- ờng xuyên chơi bời. Năm 2011 anh M phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị xử phạt hai năm tù, đến năm 2013 chấp hành án xong anh M trở về địa ph- ong nh- ng không thay đổi để làm ăn l- ong thiện đến năm 2015 anh M bị xử phạt ba năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh M đang chấp hành án tại trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay, thời gian anh M chấp hành án tại trại giam chị P cũng không đến thăm nom chăm sóc gì. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị P xác định có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn A, sinh ngày 14/3/2001 và cháu Trịnh Tuấn T, sinh ngày 17/12/2007. Hiện các cháu đang ở với chị P. Nay ly hôn chị xin đ- ợc nuôi hai cháu đến lúc thành niên, chị không yêu cầu anh M phải cấp d- ỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, Về công nợ: chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Trịnh Hùng M hiện đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh M, tại bản tự khai anh M trình bày nh- sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận việc tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng nh- chị P trình bày là đúng. Anh M cũng thừa nhận anh đang chấp hành án tại trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội. Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh mong muốn chị suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nếu chị P c- ơng quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh M khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn A, sinh ngày 14/3/2001 và cháu Trịnh Tuấn T, sinh ngày 17/12/2007. Hiện các cháu đang ở với chị P. Nay ly hôn các cháu đều đã lớn ở với ai là do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, Về công nợ: Anh M không đề nghị tòa án giải quyết.

Hiện nay anh M đang chấp hành án tại trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội nên anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện S:

Về chấp hành pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định; mọi ng- ời trong phòng xử án chấp hành nghiêm theo nội quy phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P đ-ợc ly hôn anh M; Giao cho chị P đ-ợc trực tiếp nuôi d-ỡng hai con chung là cháu Trịnh Tuấn A, sinh ngày 14/3/2001 và cháu Trịnh Tuấn T, sinh ngày 17/12/2007 đến khi thành niên; tài sản chung, công nợ chung anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Chị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về sự vắng mặt của các đ-ơng sự thấy rằng:*

Đối với nguyên đơn là chị Phạm Thị P: Quá trình giải quyết vụ án chị P đã đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí để tòa án thụ lý vụ án, có bản tự khai, có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vì công việc bận chị P đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị P là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Trịnh Hùng M có đăng ký nhân khẩu th-ờng trú tại xóm Q, xã K, huyện S, tỉnh P. Hiện nay anh M đang chấp hành án tại trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn đã đến trại giam Suối Hai để giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh M, anh M viết bản tự khai trình bày quan điểm về vụ án hôn nhân gia đình và làm đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị P và anh Trịnh Hùng M có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện N, tỉnh H, ngày 27/6/2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hiện nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, chị mong muốn đ-ợc ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống. Anh M mong muốn chị P suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Năm 2011 Anh M bị xử phạt về tội tàng trữ trái pháp chất ma túy sau khi đi chấp hành án trở về địa phương anh M không lấy đó làm bài học, không tu chí làm ăn mà lại phạm tội mới liên quan đến ma túy hiện anh M đang chấp hành án tại trại giam suối hai, huyện Ba Vì, TP Hà Nội. Trong thời gian từ năm 2015 chị P cũng không lên thăm nom hay quan tâm đến anh M cho thấy thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị P và anh M mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị P xác định hiện nay không còn tình cảm với anh M nữa. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử cho chị P

đ- ợc ly hôn với anh M là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:*

Chị P và anh M đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn A, sinh ngày 14/3/2001 và cháu Trịnh Tuấn T, sinh ngày 17/12/2007. Từ khi anh M đi chấp hành án tại trại giam Suối hai đến nay các cháu đều ở với chị P, được chị chăm sóc, học hành đầy đủ, khi ly hôn nguyện vọng của chị P là xin đ- ợc nuôi các cháu đến lúc thành niên và chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai của cháu T và cháu A ngày 29/5/2017 thì nguyện vọng của các cháu đều xin đ- ợc ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T và cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi hai cháu A và T thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, Về công nợ:* Chị P và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đ- ờng lối giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Chị P phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Phạm Thị P đ- ợc ly hôn anh Trịnh Hùng M.

2. Về con chung:

Giao con chung Trịnh Tuấn A, sinh ngày 14/3/2001 và Trịnh Tuấn T, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Phạm Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Phạm Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Xác nhận chị P đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000261 ngày 23/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Chị Phạm Thị P và anh Trịnh Hùng M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi Nhận:

- VKS tỉnh + huyện
- TA tỉnh
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Thăng Long; xã Thạch Khoán
- Các đ-ơng sự
- Lu: HS + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Việt Giang